

Số: 2854580

|                                            | Kia Soluto AT Deluxe | Kia Soluto MT Deluxe |
|--------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>422.000.000đ</b>  | <b>397.000.000đ</b>  |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                      |                      |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4300 x 1700 x 1460   | 4300 x 1700 x 1460   |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2570                 | 2570                 |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5200                 | 5200                 |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 150                  | 150                  |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1040                 | 1030                 |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1490                 | 1480                 |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 475                  | 475                  |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 43                   | 43                   |
| Số chỗ ngồi                                | 5                    | 5                    |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước     | SX-LR trong nước     |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                      |                      |
| Loại động cơ                               | Xăng, Kappa 1.4L     | Xăng, Kappa 1.4L     |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1368                 | 1368                 |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 94 / 6000            | 94 / 6000            |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 132 / 4000           | 132 / 4000           |
| Hộp số                                     | 4AT                  | 5MT                  |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)      | Cầu trước (FWD)      |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson           | Mc Pherson           |
| Hệ thống treo sau                          | Thanh xoắn           | Thanh xoắn           |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                  | Đĩa                  |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                  | Đĩa                  |
| Thông số lốp xe                            | 174/70 R14           | 174/70 R14           |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 8.73                 | 8.29                 |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.52                 | 4.64                 |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6.7                  | 6                    |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                      |                      |
| Cụm đèn trước                              | Halogen              | Halogen              |
| Đèn ban ngày LED                           | LED                  | LED                  |
| Đèn sương mù                               | Halogen              | Halogen              |
| Cụm đèn sau                                | Halogen              | Halogen              |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                    | ●                    |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                      |                      |
| Vô lăng bọc da                             | ●                    | ●                    |
| Chất liệu ghế                              | Da                   | Da                   |
| Ghế người lái chỉnh cơ                     | ●                    | ●                    |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                    | ●                    |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                    | ●                    |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | 2.8" LCD             | 2.8" LCD             |
| Màn hình giải trí trung tâm                | AVN 7"               | AVN 7"               |
| Số vùng khí hậu điều hòa                   | 1                    | 1                    |
| Chìa khóa thông minh                       | ●                    | ●                    |
| Hệ thống âm thanh                          | 6 loa                | 6 loa                |
| <b>AN TOÀN:</b>                            |                      |                      |

|                                  |     |     |
|----------------------------------|-----|-----|
| Số túi khí                       | 2   | 2   |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS | ●   | ●   |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD | ●   | ●   |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa  | ●   | ●   |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe            | Sau | Sau |
| Camera lùi                       | ●   | ●   |